

Bản án số: 104/2019/DS-PT

Ngày: 10 - 4 - 2019

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Yên

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Ông Hồ Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bằng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 10 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 245/2018/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2018 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2018/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 327/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Ngọc D, sinh năm 1961; cư trú tại: Khóm 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hải V là Luật sư của Văn phòng Luật sư Lê Thanh Th thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1950; cư trú tại: Xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện Đ; địa chỉ trụ sở: Khóm 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1942; cư trú tại: Xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Bà Trần Thị A; cư trú tại: Phường T, thành phố M, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

4. Bà Trần Thị C, sinh năm 1953; cư trú tại: Phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

5. Anh Trần Hoàng A; cư trú tại: Xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

6. Bà Trần Thị L.

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị L:*

+ Ông Trần Hoàng Ng, sinh năm 1941; cư trú tại: Phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

+ Chị Trần Ngọc D, sinh năm 1980; cư trú tại: Phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

+ Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1982; cư trú tại: Phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

+ Chị Trần Ngọc V, sinh năm 1971; cư trú tại: Phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

+ Anh Trần Hoàng Kh, sinh năm 1975; cư trú tại: Phường B, thành phố G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

+ Chị Trần Tuyết A, sinh năm 1977; cư trú tại: phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

7. Ông Trần Văn Ph, sinh năm 1924 (chết ngày 23/10/2013 âl)

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn Ph:* Bà Trần Ngọc D, ông Trần Văn H, bà Trần Thị L, bà Trần Thị C, bà Trần Thị A, bà Trần Thị H (bà D, ông H có mặt, bà C, bà A, bà L, bà H vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Trần Văn H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Trần Ngọc D trình bày: Ông Trần Văn Ph là cha ruột của bà, là chủ sử dụng phần đất được cấp quyền sử dụng có diện tích 47.450m² tọa lạc xã T, huyện Đ. Phần đất ông Ph làm chủ sử dụng tại khu vực trên theo đo đạc có diện tích thực tế bằng 67.106m².

Ngày 09/02/2006 ông Ph họp thân tộc phân chia đất cho 6 người con như sau: cho bà (Dung) 10.000m², cho ông Trần Văn H 20.000m², Trần Thị H, Trần Thị L, Trần Thị A, Trần Thị C mỗi người 3.000m², phần đất còn lại sau khi phân chia ông Ph giữ sử dụng. Tháng 5/2008 bà thoả thuận nhận thuê phần đất còn lại của ông Ph và đất bà L, bà A, bà C được cho với giá 3.000.000 đồng/năm các phần đất này còn nằm chung chưa tách quyền sử dụng, phân ranh. Riêng phần đất ông H được cho, ông H đã thuê xáng mức lập ranh, khai thác ổn định từ năm 2006 đến nay. Tháng 9/2008 bà sản xuất đất thuê và đất được cha cho thì bị ông H ngăn cản, nhiều lần phá bờ, đắp cống xô kéo dài cho đến nay.

Tại toà, bà yêu cầu ông H chấm dứt hành vi ngăn cản, đắp lại 04 đoạn bờ do ông H phá bẻ và lấy hết đất ông H lấp cống xô, trả lại cho bà diện tích đất 10.000m² và các diện tích đất thuê quyền sử dụng đất giữa bà với ông Ph, bà L, bà A, bà C.

Yêu cầu Tòa công nhận các giao dịch nhận khoán đất giữa bà với ông Ph, bà L, bà A, bà C. Đồng thời ông H bồi thường thiệt hại 10 năm bà không sản xuất được tính từ tháng 9/2008 đến ngày xét xử với giá mỗi công 1.000.000 đồng/năm/1.000m². Yêu cầu công nhận di chúc của ông Ph về việc cho lại cho bà phần đất ông Ph chưa phân chia.

Ông Trần Văn H trình bày: Ông thống nhất với trình bày của bà D về quan hệ gia đình của ông với bà D, sự kiện ông Ph hợp thân tộc phân chia đất cho các con như bà D trình bày.

Ông không thừa nhận có hành vi phá bờ, đắp cống xả nước ngăn cản bà D sản xuất vì thực tế ông không làm những việc này, trước đây ông có đào bờ xả nước thối từ vuông tôm của bà D ra ngoài rồi đắp lại, cống xả nước của bà D do thủy triều lên, nước tràn vào nên ông be đất hai bên cống để nước không tràn qua vuông người khác.

Do vậy, ông không chấp nhận bồi thường thiệt hại do bà D yêu cầu.

Phản tố của ông H: Ông là con trai duy nhất của gia đình đang thờ phụng ông bà, cha mẹ nên yêu cầu bà D, ông Ph giao toàn bộ phần đất ông Ph chưa phân chia cho ông quản lý, sử dụng để sản xuất làm nguồn chi tiêu trong việc thờ phụng ông, bà.

Ông Trần Văn Ph, bà Trần Thị C, bà Trần Thị A, bà Trần Thị L trình bày: Các đương sự thống nhất với nội dung và yêu cầu của bà D đặt ra.

Bà Trần Thị H trình bày: Bà thống nhất với trình bày của bà D về quan hệ gia đình của bà với bà D, sự kiện ông Ph hợp thân tộc phân chia đất cho các con như bà D trình bày. Phần đất 3.000m² ông Ph cho bà hiện bà D đang quản lý, yêu cầu bà D giao lại để bà sử dụng.

Tại văn bản số: 801/UBND –VP ngày 09/7/2013 Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày: Việc thực hiện lập quy trình, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn Ph đúng theo quy định của pháp luật về đất đai.

Anh Trần Hoàng A, chị Trần Thị Đ không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

Từ nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 77/2018/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Ngọc D.

Buộc ông Trần Văn H chấm dứt hành vi cản trở bà Trần Ngọc D sản xuất diện tích đất bà Trần Ngọc D được ông Trần Văn Ph cho 10.000m², diện tích đất 9.000m² bà D thuê của bà Trần Thị C, Trần Thị A, Trần Thị L và diện tích đất còn lại của ông Trần Văn Ph 22.922m² tọa lạc xã T, huyện Đ tỉnh Cà Mau do ông Trần Văn Ph đứng tên có tứ cận:

Hướng Đông dài 89m tiếp giáp sông Đầm Chim

Hướng Tây dài 74,4m tiếp giáp đất ông Tô Văn Tiễn

Hướng Nam dài 639m giáp đất ông Trần Văn H quản lý, sử dụng.

Hướng Bắc dài 658m tiếp giáp đất ông Lâm Văn Bạch

- Buộc ông Trần Văn H trả lại cho bà D diện tích đất 10.000m² tọa lạc xã T, huyện Đ tỉnh Cà Mau, có tứ cận:

Hướng Đông dài 21m giáp Sông Đầm Chim

Hướng Tây dài 16,2m giáp đất ông Tô Văn Tiền

Hướng Nam dài 639m giáp đất liền kề ông Trần Văn Ph cho bà Trần Thị C, Trần Thị A, Trần Thị L và Trần Thị H

Hướng Bắc dài 639m giáp diện tích đất ông Lâm Văn Bạch.

- Buộc ông Trần Văn H có nghĩa vụ đắp lại 04 đoạn bờ mà ông H đã đào giáp ranh với diện tích đất mà ông Trần Văn Ph cho bà Trần Thị C, Trần Thị A, Trần Thị L, Trần Thị H, Trần Ngọc D và diện tích đất của ông Trần Văn Ph. Các đoạn bờ được đắp cao như hiện trạng con bờ hiện hữu đảm bảo cho việc sản xuất theo kích thước chiều dài, chiều ngang thể hiện trong sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 01/8/2017.

- Buộc ông Trần Văn H có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại trong 10 năm bà Trần Ngọc D không sản xuất được diện tích bà D được ông Trần Văn Ph cho 10.000m², diện tích đất 9.000m² bà D thuê của bà Trần Thị C, Trần Thị A, Trần Thị L với giá 1.000.000đ/1.000m²/năm bằng 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng).

- Buộc ông Trần Văn H có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại trong 10 năm bà Trần Ngọc D không sản xuất được diện tích 22.922m² bà D được ông Trần Văn Ph thuê với giá 500.000đ/1.000m²/năm bằng 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

- Buộc ông Trần Văn H có nghĩa vụ bóc lấy hết đất trong công xỏ vuông của bà Trần Ngọc D được xây dựng trên diện tích đất bà D được ông Trần Văn Ph cho và diện tích đất bà D thuê của bà Trần Thị C, Trần Thị A, Trần Thị L và Trần Thị H

2. Bác khởi kiện của ông Trần Văn H về việc yêu cầu ông Trần Văn Ph và bà Trần Ngọc D giao trả cho ông H diện tích đất 22.922m² tọa lạc xã T, huyện Đ tỉnh Cà Mau, có tứ cận:

Hướng Đông dài 45, 6m giáp Sông Đầm Chim.

Hướng Tây dài 39m giáp đất ông Tô Văn Tiền.

Hướng Nam dài 639m giáp đất liền kề ông Trần Văn Ph cho bà Trần Thị C, Trần Thị Ánh, Trần Thị L và Trần Thị H.

Hướng Bắc dài 639m giáp diện tích đất 10.000m² ông Trần Văn Ph cho bà Trần Ngọc D.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn xử lý trách nhiệm án phí, lệ phí, thông báo cho những người tham gia tố tụng biết quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/10/2018 ông Trần Văn H kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, xác định không có hành vi phá bờ, ngăn cản bà D sản xuất nên không chấp nhận bồi thường thiệt hại cho bà D. Yêu cầu buộc bà D giao lại phần đất di sản của ông Ph để lại cho ông quản lý, sản xuất để lo thờ phụng cha mẹ.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

Án sơ thẩm sai sót những vấn đề như sau:

Ông H có phản tố yêu cầu buộc bà D giao lại phần đất di sản của ông Ph để lại cho ông quản lý, sản xuất để lo thờ phụng cha mẹ nhưng cấp sơ thẩm không hướng dẫn đương sự thực hiện các thủ tục về yêu cầu này tại vụ kiện; Ông H rút phản tố phần này nhưng cấp sơ thẩm không đình chỉ theo qui định chung.

Không xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia thừa kế dẫn đến đến việc xử lý vụ kiện không toàn diện.

Những sai phạm của cấp sơ thẩm cấp phúc thẩm không khắc phục được.

Đề nghị: Huỷ án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ kiện về cho cấp sơ thẩm thụ lý, xét xử lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm ông H vẫn bảo lưu yêu cầu kháng cáo.

Căn cứ kháng cáo:

Ông H cho rằng không phá bờ, ngăn cản bà D sản xuất nên không chấp nhận bồi thường theo yêu cầu bồi thường của bà D. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét buộc bà D giao lại phần đất di sản của ông Trần Văn Ph để ông sản xuất có chi phí thờ phụng cha mẹ.

Bà D không chấp nhận kháng cáo của ông H.

Xét thấy:

Về thủ tục: Theo nội dung khởi kiện, bà D yêu cầu ông H chấm dứt hành vi ngăn cản sản xuất đối với phần đất nhận thuê của bà L, bà H, bà A, bà C, ông Ph và bồi thường thiệt hại do ông H ngăn cản sản xuất; Trả lại 10.000m² đất ông Ph cho; công nhận bà được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất di sản của ông Ph để lại. Các yêu cầu trên thể hiện trong đơn kiện chính ngày 15/6/2011 và các đơn kiện bổ sung ngày 14/8/2018, ngày 05/9/2018 trong quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm.

Án sơ thẩm xử: Tách phần yêu cầu công nhận di chúc của ông Ph cho quyền sử dụng đất đối với bà D ra không xét tại vụ kiện này với lý do yêu cầu phát sinh vượt quá nội dung khởi kiện ban đầu sau khi Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử – Việc tách, không xem xét yêu cầu này của bà D như nêu trên bà D không kháng cáo; Cùng với bà D, ông H cũng có yêu cầu được nhận phần đất còn lại ông Ph chưa phân chia thuộc quyền sử dụng của ông Ph và hiện tại là di sản của ông Ph chết để lại. Cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu đòi quyền sử dụng này do ông H không cung cấp được chứng cứ chứng minh tư cách chủ sử dụng phần đất ông yêu cầu là có căn cứ. Do vụ kiện này kéo dài từ năm 2011 đến nay, quan hệ xử lý thừa kế do bà D đặt ra như đã nêu trên là một mảng riêng, khi tách ra không ảnh hưởng đến việc giải quyết các quan hệ khác tại vụ kiện nếu huỷ phần này theo đề nghị của Viện kiểm sát để xử lại vụ kiện thì các đương sự vẫn phải tiến hành các thủ tục khởi kiện lại, kéo dài trong xử lý các quan hệ khác tại vụ án là không cần thiết nên Hội đồng xét xử không huỷ án, sau này phần di sản quyền sử dụng đất do ông Ph để lại nếu không thoả thuận được các bên có thể khởi kiện tại vụ án khác.

Về nội dung: Theo trình bày của đương sự có đối chiếu với kết quả đo đạc thực tế kết hợp với chứng cứ khác tại vụ kiện, xác định: Diện tích thuộc quyền sử

dụng đất của ông Trần Văn Ph thể hiện tại quyền sử dụng bằng 47.450m². Diện tích đo đạc thực tế đất ông Ph là chủ sử dụng lúc sinh thời bằng 67.106m², đất tọa lạc xã T, huyện Đ. Theo Biên bản họp thân tộc ngày 09/02/2006 ông Ph cắt quyền sử dụng đất cho sáu người con như sau: cho bà D 10.000m², cho ông Trần Văn H 20.000m², cho những người con còn lại gồm: bà H, bà L, bà A, bà C mỗi người 3.000m². Sau khi được cha cho đất ông H nhận, cắt ranh sản xuất riêng. Theo kết quả đo đạc thực tế thì diện tích ông H quản lý thực bằng 22.184m², trừ phần ông H nhận, phần bà D, bà H, bà L, bà A, bà C được cho bằng 22.000m², phần diện tích thực tế còn lại của ông Ph bằng 22.922m².

Ông H kháng cáo án sơ thẩm phần buộc ông chấm dứt hành vi ngăn cản sản xuất và bồi thường thiệt hại cho bà D: Xử lý nội dung này án sơ thẩm dựa vào kết quả thẩm định thực tế trong quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm, thể hiện như: Vết tích ông H phá bờ vẫn còn; có nhiều nhân chứng xác nhận ông H có hành vi ngăn cản bà D sản xuất trong khu vực phần đất bà D được ông Ph cho, phần đất nhận thuê của bà L, bà H, bà A, bà C và phần đất còn lại của ông Ph. Ngoài chứng cứ trên ông H còn thừa nhận tại phiên toà là có phá bờ vuông đất bà D sản xuất để xả nước thối – Thực tế đất bà D canh tác đã được ngăn cách với đất của ông H sản xuất nên đất của bà D quản lý, sản xuất có bị nước thối hay không không ảnh hưởng đến môi trường sản xuất tại phần đất ông H đang canh tác nên đây cũng là căn cứ xác định ông H phá bờ vuông của bà D.

Về giá trị bồi thường, thời gian gây thiệt hại phải bồi thường: Án sơ thẩm dựa vào giá nhận thuê, thời gian phát sinh vụ việc để xác định mức ông H bồi thường. Ông H và các đương sự khác không kháng cáo về lượng tiền, thời gian tính thiệt hại nên về nội dung này án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

Với các chứng cứ trên, án sơ thẩm xác định ông H có hành vi cản trở bà D sản xuất, buộc ông H bồi thường là có căn cứ.

Mức bồi thường được xác định qua hai giai đoạn: Giai đoạn ông Ph còn sống thì hợp đồng thuê của bà D với ông Ph còn phát sinh hiệu lực nên toàn bộ thiệt hại trong giai đoạn này là thiệt hại của bà D. Giai đoạn ông Ph đã từ trần thì hợp đồng thuê của bà D với ông Ph chấm dứt hiệu lực nên thiệt hại do không sản xuất được phần đất thuê của ông Ph là thiệt hại chung của người nhận thừa kế. Hai khoản thiệt hại này án sơ thẩm giao cho bà D nhận và các đương sự thuộc đối tượng thừa kế của ông Ph có thể thoả thuận để phân chia phần phát sinh sau khi ông Ph từ trần nếu không thoả thuận được có thể khởi kiện tại vụ án khác – Các đương sự không kháng cáo phần này nên quyết định xử lý về nội dung này của án sơ thẩm cũng đã có hiệu lực pháp luật.

Ngoài các nội dung kháng cáo của ông H đã được xét như đã nêu trên, án sơ thẩm còn xử lý: “Buộc ông Trần Văn H trả lại cho bà D diện tích đất 10.000m² tọa lạc xã T, huyện Đ tỉnh Cà Mau, có tứ cận:

Hướng Đông dài 21m giáp Sông Đầm Chim

Hướng Tây dài 16,2m giáp đất ông Tô Văn Tiễn

Hướng Nam dài 639m giáp đất liền kề ông Trần Văn Ph cho bà Trần Thị C, Trần Thị A, Trần Thị L và Trần Thị H

Hướng Bắc dài 639m giáp diện tích đất ông Lâm Văn Bạch”.

Thực tế ông H ngăn cản hoạt động sản xuất phần đất bà D được ông Ph cho, cấp sơ thẩm buộc hoàn trả là đánh giá tương đồng với hoạt động chiếm dụng chưa phải là chính xác, tuy nhiên việc tuyên buộc trên xuất phát từ lỗi của ông H, ông H cũng không kháng cáo nội dung này nên vẫn duy trì quyết định sơ thẩm về phần này là cần thiết, đảm bảo cho quyền lợi hợp pháp của bà D khai thác quyền sử dụng 10.000m² đất được ông Ph cho sau này.

[2] Án phí: Ông H tuổi cao thuộc diện được miễn án và có yêu cầu miễn án phí nên chấp nhận yêu cầu này của ông H.

[3] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ông H phải chịu. Bà D đã dự nộp nên ông H phải hoàn lại cho bà D tại cơ quan thi hành án huyện Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2018/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Ngọc D.

- Buộc ông Trần Văn H chấm dứt hành vi cản trở bà Trần Ngọc D sản xuất diện tích đất bà Trần Ngọc D được ông Trần Văn Ph cho 10.000m², diện tích đất 9.000m² bà D thuê của bà Trần Thị C, Trần Thị A, Trần Thị L và diện tích đất còn lại thuộc di sản của của ông Trần Văn Ph 22.922m² tọa lạc xã T, huyện Đ tỉnh Cà Mau do ông Trần Văn Ph đứng tên có tứ cận:

Hướng Đông dài 89m tiếp giáp sông Đầm Chim;

Hướng Tây dài 74,4m tiếp giáp đất ông Tô Văn Tiền;

Hướng Nam dài 639m giáp đất ông Trần Văn H quản lý, sử dụng;

Hướng Bắc dài 658m tiếp giáp đất ông Lâm Văn Bạch.

- Buộc ông Trần Văn H trả lại cho bà D diện tích đất 10.000m² tọa lạc xã T, huyện Đ tỉnh Cà Mau, có tứ cận:

Hướng Đông dài 21m giáp Sông Đầm Chim;

Hướng Tây dài 16,2m giáp đất ông Tô Văn Tiền;

Hướng Nam dài 639m giáp đất liền kề ông Trần Văn Ph cho bà Trần Thị C, Trần Thị A, Trần Thị L và Trần Thị H;

Hướng Bắc dài 639m giáp diện tích đất ông Lâm Văn Bạch.

- Buộc ông Trần Văn H đắp lại 04 đoạn bờ mà ông H đã đào giáp ranh với diện tích đất mà ông Trần Văn Ph cho bà Trần Thị C, Trần Thị A, Trần Thị L, Trần Thị H, Trần Ngọc D và diện tích đất của ông Trần Văn Ph. Các đoạn bờ được đắp cao như hiện trạng con bờ hiện hữu đảm bảo cho việc sản xuất theo kích thước chiều dài, chiều ngang thể hiện trong sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 01/8/2017.

- Buộc ông Trần Văn H bồi thường thiệt hại trong 10 năm bà Trần Ngọc D không sản xuất được diện tích bà D được ông Trần Văn Ph cho 10.000m², diện tích đất 9.000m² bà D thuê của bà Trần Thị C, Trần Thị A, Trần Thị L với giá 1.000.000đ/1.000m²/năm bằng 190.000.000 đồng.

- Buộc ông Trần Văn H bồi thường thiệt hại trong 10 năm bà Trần Ngọc D không sản xuất được diện tích 22.922m² bà D được ông Trần Văn Ph thuê với giá 500.000đ/1.000m²/năm bằng 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

- Buộc ông Trần Văn H có nghĩa vụ bóc lấy hết đất trong công xỏ vuông của bà Trần Ngọc D được xây dựng trên diện tích đất bà D được ông Trần Văn Ph cho và diện tích đất bà D thuê của bà Trần Thị C, Trần Thị A, Trần Thị L và Trần Thị H.

2. Bác khởi kiện của ông Trần Văn H về việc yêu cầu ông Trần Văn Ph và bà Trần Ngọc D giao trả cho ông H diện tích đất 22.922m² tọa lạc xã T, huyện Đ tỉnh Cà Mau, có tứ cận:

Hướng Đông dài 45, 6m giáp Sông Đầm Chim;

Hướng Tây dài 39m giáp đất ông Tô Văn Tiền;

Hướng Nam dài 639m giáp đất liền kề ông Trần Văn Ph cho bà Trần Thị C, Trần Thị Ánh, Trần Thị L và Trần Thị H;

Hướng Bắc dài 639m giáp diện tích đất 10.000m² ông Trần Văn Ph cho bà Trần Ngọc D.

3. Án phí:

- Miễn án phí cho ông Trần Văn H. Ông Trần Văn H đã nộp 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 001084 ngày 01/4/2013 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được nhận lại.

- Bà Trần Ngọc D không phải chịu án phí đã nộp 2.837.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai số 000224 ngày 26/7/2011 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, được nhận lại.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

- Ông Trần Văn H phải nộp 2.300.000 đồng chi phí thẩm định, đo đạc để trả lại cho bà Trần Ngọc D tại cơ quan Thi hành án huyện Đ .

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà D cho đến khi thi hành xong 2.300.000 đồng, hàng tháng ông H phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đ ;
- Chi cục THADS huyện Đ ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Văn Yên